

HIỆP ĐỊNH VỀ THƯƠNG MẠI HÀNG DỆT VÀ MAY MẶC

Các Thành viên,

Nhắc lại thoả thuận của các Bộ Trưởng tại Punta del Este là "các cuộc đàm phán trong lĩnh vực hàng dệt, may nhằm tạo ra phương thức cho phép lĩnh vực này được điều chỉnh hoàn toàn theo GATT trên cơ sở các nguyên tắc và quy định của GATT đã được tăng cường, đồng thời qua đó góp phần vào mục tiêu tự do hóa thương mại hơn nữa";

Nhắc lại Quyết định của Uỷ ban Đàm phán Thương mại vào tháng Tư năm 1989 thống nhất tiến trình hội nhập sẽ bắt đầu sau khi Vòng Đàm phán Thương mại Đa biên Uruguaian kết thúc và sẽ thực hiện từng bước;

Nhắc lại thoả thuận dành đối xử đặc biệt cho các Thành viên chậm phát triển;

Bằng Hiệp định này *thoả thuận* như sau:

Điều 1

1. Hiệp định này đặt ra các quy định được các Thành viên áp dụng trong thời gian quá độ của việc hội nhập lĩnh vực hàng dệt, may vào GATT 1994.

2. Các Thành viên nhất trí sử dụng các quy định tại khoản 18 Điều 2 và điểm 6(b) Điều 6 theo hướng cho phép tạo ra sự tăng trưởng đáng kể về khả năng tiếp cận thị trường cho các nhà cung cấp quy mô nhỏ và sự phát triển các cơ hội kinh doanh thương mại cho các đối tượng mới tham gia lĩnh vực thương mại hàng dệt và may mặc.¹

3. Các Thành viên sẽ quan tâm thích đáng đến hoàn cảnh của các Thành viên chưa công nhận các Nghị định thư gia hạn Hiệp định về Thương mại Quốc tế Hàng dệt (trong Hiệp định này gọi tắt là "MFA") từ năm 1986, và trong phạm vi có thể, dành cho các Thành viên này đối xử đặc biệt trong khi áp dụng các quy định của Hiệp định này.

4. Các Thành viên nhất trí rằng các mối quan tâm đặc biệt của các Thành viên sản xuất và xuất khẩu bông cần được thể hiện khi thi hành các quy định của Hiệp định này thông qua tham khảo ý kiến với các Thành viên đó.

5. Nhằm tạo thuận lợi cho quá trình hội nhập lĩnh vực dệt, may đ vào GATT 1994, các Thành viên nên chú ý cho phép cơ chế tự điều chỉnh liên tục của ngành này và sự cạnh

¹ Trong phạm vi có thể, hàng xuất khẩu từ các Thành viên chậm phát triển cũng có thể được hưởng lợi từ quy định này.

tranh tăng lên trong các thị trường của họ.

6. Trừ khi Hiệp định này quy định khác, các quy định của Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các Thành viên theo các quy định của Hiệp định WTO và các Hiệp định Thương mại Đa biên.

7. Các sản phẩm dệt, may do Hiệp định này điều chỉnh được xác định trong Phụ lục.

Điều 2

1. Tất cả các hạn chế số lượng trong các hiệp định song双边 được duy trì theo Điều 4 hay được thông báo theo Điều 7 hoặc 8 của MFA có hiệu lực trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực phải được các Thành viên duy trì hạn chế thông báo chi tiết về các mức hạn chế, tỷ lệ tăng trưởng và các quy định khác trong vòng 60 ngày kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực cho Cơ quan Giám sát Hàng dệt được thành lập theo Điều 8 (trong Hiệp định này gọi tắt là "TMB"). Các Thành viên nhất trí rằng cho đến khi Hiệp định WTO có hiệu lực, tất cả các hạn chế số lượng do các bên ký kết GATT 1947 duy trì, và còn hiệu lực trước ngày Hiệp định WTO có hiệu lực sẽ được các quy định của Hiệp định này điều chỉnh.

2. TMB sẽ lưu chuyển các thông báo này đến tất cả các Thành viên để cung cấp thông tin. Trong vòng 60 ngày kể từ khi thông báo được lưu chuyển, mọi Thành viên đều có thể lưu ý TMB về những nhận xét họ cho là cần thiết liên quan đến các thông báo nêu trên. Những nhận xét này sẽ được lưu chuyển đến các Thành viên khác để cung cấp thông tin. Khi cần TMB sẽ có khuyến nghị với các Thành viên liên quan.

3. Nếu khoảng thời gian 12 tháng của các hạn chế được thông báo theo quy định của khoản 1 không trùng với khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, các Thành viên liên quan cần đạt được các thoả thuận sao cho thời hạn của các hạn chế phù hợp với năm hiệp định², và xác định các mức cơ sở của các hạn chế đó để thi hành các qui định của Điều này. Các Thành viên liên quan nhất trí sớm tham gia các cuộc tham vấn theo yêu cầu nhằm đạt được sự thống nhất giữa các bên như đã nêu. Các cuộc tham vấn nói trên, cùng với những yếu tố khác, sẽ cân nhắc các kiểu giao hàng theo mùa vụ trong những năm gần đây. Những kết quả của các cuộc tham vấn sẽ được thông báo cho TMB. Khi thấy cần thiết cơ quan này sẽ khuyến nghị với các Thành viên liên quan.

4. Các hạn chế đã thông báo theo quy định của khoản 1 sẽ tạo thành hạn chế tổng thể do các Thành viên tương ứng áp dụng vào ngày trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực. Không được đưa ra các hạn chế với sản phẩm mới hay áp dụng với các Thành viên trừ khi tuân theo các quy định của Hiệp định này hay các quy định liên quan của GATT 1994.³

² "Năm hiệp định" là khoảng thời gian 12 tháng bắt đầu từ ngày hiệp định WTO có hiệu lực và 12 tháng liền sau đó.

³ Các quy định liên quan của GATT 1994 không bao gồm Điều XIX về các sản phẩm chưa được hoà nhập vào GATT 1994, trừ khi được quy định cụ thể trong khoản 3 của Phụ lục.

Các hạn chế không được thông báo trong vòng 60 ngày kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực sẽ bị xoá bỏ ngay lập tức.

5. Mọi biện pháp đơn phương được thực hiện theo Điều 3 MFA trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực có thể duy trì trong một thời gian xác định tại điều này, nhưng không quá 12 tháng, nếu nó được Cơ quan Theo dõi Hàng dệt thành lập theo Hiệp định MFA (trong Hiệp định này được gọi tắt là TSB) rà soát. Nếu TSB không có cơ hội rà soát các biện pháp đơn phương nêu trên thì TMB sẽ rà soát theo các quy định và thủ tục của MFA giám sát các biện pháp Điều 3. Mọi biện pháp áp dụng theo Điều 4 MFA trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực đang là đối tượng tranh chấp nhưng TSB chưa có điều kiện rà soát cũng sẽ được TMB rà soát theo các quy định và thủ tục của Hiệp định MFA áp dụng cho việc rà soát này.

6. Vào thời điểm Hiệp định WTO có hiệu lực, mỗi Thành viên phải điều chỉnh theo GATT 1994 các sản phẩm chiếm ít nhất 16% tổng khối lượng nhập khẩu năm 1990 của Thành viên đó đối với các sản phẩm trong Phụ lục tính theo các dòng mã HS hay các hạng mục sản phẩm. Các sản phẩm này bao gồm các sản phẩm thuộc bốn nhóm: sợi xe và đầu sợi chải, vải, thành phẩm hàng dệt và hàng may mặc.

7. Các Thành viên liên quan cần thông báo chi tiết đầy đủ về các hoạt động được thực hiện theo khoản 6 theo các quy định sau:

- (a) Dù cho Hiệp định WTO có hiệu lực vào thời điểm nào, các Thành viên đang duy trì những hạn chế theo khoản 1 phải thông báo các chi tiết đó cho Ban Thư ký GATT không muộn hơn ngày được xác định trong Quyết định cấp Bộ Trưởng ngày 15 tháng 4 năm 1994. Ban Thư ký GATT sẽ nhanh chóng lưu chuyển các thông báo này tới các bên tham gia để cung cấp thông tin. Khi TMB được thành lập thì các thông báo đó sẽ được cung cấp tới cơ quan này vì mục đích nêu tại khoản 21;
- (b) Theo khoản 1 Điều 6, các Thành viên giữ quyền sử dụng các quy định của Điều 6 phải thông báo các chi tiết đó cho TMB không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, hay không muộn hơn thời điểm kết thúc tháng thứ 12 kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực trong trường hợp các Thành viên thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 3 Điều 1. TMB sẽ lưu chuyển các thông báo này tới các Thành viên khác để cung cấp thông tin và rà soát chúng theo quy định tại khoản 21.

8. Các sản phẩm còn lại không được điều chỉnh theo GATT 1994 theo khoản 6, sẽ được điều chỉnh, tính theo các dòng mã HS hay các hạng mục, theo 3 giai khoản như sau:

- (a) vào ngày đầu tiên của tháng thứ 37 kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực, các sản phẩm chiếm ít nhất 17% tổng khối lượng nhập khẩu năm 1990 các sản phẩm trong Phụ lục của mỗi Thành viên. Các sản phẩm được các Thành viên hoà nhập bao gồm

các sản phẩm thuộc bốn nhóm: sợi xe và đầu sợi chải, vải, thành phẩm dệt và hàng may sẵn;

- (b) vào ngày đầu tiên của tháng thứ 85 kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực, các sản phẩm chiếm ít nhất 18% tổng khối lượng nhập khẩu năm 1990 các sản phẩm trong Phụ lục của mỗi Thành viên. Các sản phẩm được các Thành viên hoà nhập bao gồm các sản phẩm thuộc bốn nhóm: sợi xe và đầu sợi vụn, vải, thành phẩm dệt và hàng may sẵn;
- (c) vào ngày đầu tiên của tháng thứ 121 kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực, lĩnh vực hàng dệt, may sẽ hoàn toàn được hoà nhập vào GATT 1994, tất cả các hạn chế theo Hiệp định này sẽ được xoá bỏ.

9. Theo khoản 1 Điều 6, các Thành viên đã thông báo ý định của mình không giữ quyền sử dụng các qui định của Điều 6 được coi là đã điều chỉnh các sản phẩm dệt, may của mình theo GATT 1994 theo các mục tiêu của Hiệp định này. Do đó, các Thành viên này sẽ được miễn áp dụng các qui định của các khoản 6, 7, 8 và 11.

10. Hiệp định này không ngăn cản một Thành viên đã đệ trình kế hoạch điều chỉnh, theo khoản 6 hoặc 8, các sản phẩm theo GATT 1994 sớm hơn thời hạn đã xác định trong kế hoạch đó. Tuy nhiên, việc hoà nhập các sản phẩm phải được thực hiện vào thời điểm bắt đầu của năm hiệp định, và các chi tiết phải được thông báo cho TMB ít nhất 3 tháng trước đó để lưu chuyển tới tất cả các Thành viên.

11. Các kế hoạch hoà nhập tương ứng với khoản 8 phải được thông báo chi tiết cho TMB ít nhất 12 tháng trước khi chúng có hiệu lực. TMB sẽ lưu chuyển các kế hoạch này tới tất cả các Thành viên.

12. Các mức cơ sở của các hạn chế đối với các sản phẩm còn lại đề cập tại khoản 8 là các mức hạn chế đã được nêu tại khoản 1.

13. Trong Giai khoản 1 của Hiệp định này (kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực đến hết tháng thứ 36), mức độ của mỗi hạn chế theo các thoả thuận song biên thuộc MFA có hiệu lực trong thời gian 12 tháng trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực sẽ được tăng hàng năm không ít hơn tỷ lệ tăng trưởng 16% được xác định cho các hạn chế tương ứng.

14. Trừ khi Hội đồng Thương mại Hàng hóa hay Cơ quan Giải quyết Tranh chấp có quyết định khác theo quy định của khoản 12 Điều 8, mức độ của mỗi hạn chế còn lại sẽ phải tăng hàng năm trong các giai khoản tiếp theo của Hiệp định này không ít hơn các mức sau:

- (a) đối với Giai khoản 2 (từ tháng thứ 37 đến hết tháng thứ 84 kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực), tỷ lệ tăng trưởng cho các hạn chế tương ứng trong Giai khoản 1 sẽ tăng thêm 25%;

(b) đối với Giai khoản 3, (từ tháng thứ 85 đến hết tháng thứ 120 kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực), tỷ lệ tăng trưởng cho các hạn chế tương ứng trong Giai khoản 2 sẽ tăng thêm 27%.

15. Không một quy định nào trong Hiệp định này ngăn cản mỗi Thành viên xoá bỏ bất cứ hạn chế nào có hiệu lực vào thời điểm bắt đầu bất cứ năm hiệp định nào trong thời kỳ quá độ được duy trì theo Điều này, miễn là Thành viên xuất khẩu liên quan và TMB được thông báo ít nhất 3 tháng trước khi việc xoá bỏ có hiệu lực. Thời hạn cho việc thông báo trước có thể rút ngắn xuống 30 ngày với sự nhất trí của Thành viên bị hạn chế. TMB sẽ lưu chuyển các thông báo này tới tất cả các Thành viên. Khi đánh giá việc huỷ bỏ các hạn chế như được dự kiến trong phần này, các Thành viên liên quan cần tính đến sự đối xử với các sản phẩm xuất khẩu tương tự từ các Thành viên khác.

16. Các quy định linh hoạt, tức các quy định về việc chuyển hạn ngạch giữa các năm và các nhóm sản phẩm, được áp dụng đối với tất cả các hạn chế duy trì theo Điều này, sẽ giống với các quy định đã nêu trong các thoả thuận song biên thuộc khuôn khổ MFA trong thời gian 12 tháng trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực. Không được đặt ra hay duy trì hạn chế số lượng bằng cách sử dụng kết hợp việc chuyển hạn ngạch giữa các năm và các nhóm sản phẩm.

17. Các thoả thuận hành chính cần thiết trong quá trình thi hành các quy định của Điều này sẽ do các Thành viên liên quan thống nhất với nhau. Mọi thoả thuận như vậy phải được thông báo cho TMB.

18. Các Thành viên có xuất khẩu bị hạn chế trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực và các hạn chế này chiếm không quá 1,2% tổng khối lượng các hạn chế do Thành viên nhập khẩu áp dụng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 1991 và đã được thông báo theo Điều này sẽ được dành sự cải thiện tiếp cận thị trường đáng kể cho hàng xuất khẩu kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực và kéo dài trong thời gian hiệu lực của Hiệp định này, thông qua việc thực hiện trước một giai khoản của các tỷ lệ tăng trưởng như đã nêu tại khoản 13 và 14, hay ít nhất là thông qua những sự thay đổi tương đương do các bên thống nhất liên quan đến sự kết hợp khác nhau giữa các mức cơ sở, sự tăng trưởng và các quy định linh hoạt. Các cải thiện này phải được thông báo cho TMB.

19. Suốt thời gian hiệu lực của Hiệp định này, trong mọi trường hợp mà một Thành viên sử dụng biện pháp tự vệ theo Điều XIX của GATT 1994 đối với một sản phẩm cụ thể trong thời hạn 1 năm ngay sau khi sản phẩm đó được điều chỉnh theo GATT 1994 theo các quy định của Điều này, các quy định của Điều XIX được giải thích trong Hiệp định về các Biện pháp tự vệ sẽ áp dụng, trừ những trường hợp quy định trong khoản 20.

20. Nếu biện pháp tự vệ được áp dụng bằng các công cụ phi thuế quan, bất cứ lúc nào trong thời gian 1 năm ngay sau khi biện pháp tự vệ được đưa ra, Thành viên nhập khẩu liên quan phải áp dụng biện pháp theo cách thức như quy định tại điểm 2(d) Điều XIII

của GATT 1994 theo yêu cầu của bất cứ Thành viên xuất khẩu nào có sản phẩm xuất khẩu chịu các hạn chế theo Hiệp định này. Thành viên xuất khẩu liên quan phải quản lý các biện pháp này. Mức độ tự vệ áp dụng phải không làm giảm mức xuất khẩu liên quan xuống dưới mức của thời kỳ đại diện gần đó, thông thường mức này là xuất khẩu trung bình từ Thành viên liên quan trong 3 năm đại diện gần nhất có sẵn các số liệu thống kê. Ngoài ra, khi biện pháp tự vệ được áp dụng trên 1 năm, mức độ áp dụng phải được tự do hóa đều đặn tăng dần từng bước trong giai khoản áp dụng. Trong các trường hợp này, Thành viên xuất khẩu liên quan không được thực hiện quyền trì hoãn phần lớn các nhượng bộ tương đương hay các nghĩa vụ khác theo điểm 3(a) Điều XIX GATT 1994.

21. TMB sẽ giám sát việc thi hành Điều này. Theo yêu cầu của bất cứ Thành viên nào, cơ quan này sẽ rà soát mọi vấn đề cụ thể liên quan đến việc thi hành các quy định của Điều này. Sau khi mời Thành viên hay các Thành viên liên quan cùng tham gia rà soát, TMB sẽ đưa ra các ý kiến hay kết luận thích hợp trong vòng 30 ngày tới Thành viên hoặc các Thành viên đó.

Điều 3

1. Trong vòng 60 ngày sau khi Hiệp định WTO có hiệu lực, các Thành viên duy trì các hạn chế⁴ đối với sản phẩm dệt, may (ngoài các hạn chế được duy trì theo MFA và Điều 2), dù có phù hợp với GATT 1994 hay không, phải: (a) thông báo chúng một cách chi tiết cho TMB, hay (b) cung cấp cho TMB các thông báo liên quan đến chúng như đã gửi tới bất cứ cơ quan nào khác của WTO. Khi có thể áp dụng được, các thông báo trên sẽ cung cấp các thông tin liên quan đến bất cứ sự biện minh nào theo GATT 1994 đối với các hạn chế, bao gồm cả các quy định của GATT 1994 làm cơ sở cho sự biện minh này.

2. Nếu không biện minh được sự duy trì này theo một quy định của GATT 1994 thì các Thành viên đang duy trì các hạn chế thuộc khoản 1 phải:

- (a) sửa đổi các hạn chế đó để chúng phù hợp với các quy định của GATT 1994 trong vòng 1 năm kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực, và thông báo hoạt động này cho TMB để cung cấp thông tin; hoặc
- (b) từng bước loại bỏ chúng theo một kế hoạch được Thành viên duy trì các hạn chế này gửi tới TMB trong vòng 6 tháng kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực. Kế hoạch này phải chỉ ra tất cả các hạn chế sẽ được loại bỏ trong thời gian không quá thời hạn hiệu lực của Hiệp định này. TMB có thể sẽ có ý kiến với Thành viên liên quan về kế hoạch đó.

3. Để cung cấp thông tin, trong thời hạn Hiệp định này có hiệu lực, các Thành viên phải cung cấp cho TMB các thông báo như đã được đệ trình cho bất cứ cơ quan nào khác

⁴ Các hạn chế bao gồm tất cả các hạn chế số lượng đơn phương, các thoả thuận song phương và các biện pháp khác có tác động tương tự.

của WTO liên quan đến mọi hạn chế mới hay những thay đổi trong các hạn chế hiện hành đối với các sản phẩm dệt, may, thực hiện theo bất cứ quy định nào của GATT 1994, trong vòng 60 ngày kể từ khi chúng có hiệu lực.

4. Mọi Thành viên đều có thể gửi các thông báo phản đối tới TMB để cung cấp cho nó mọi thông tin liên quan đến sự biện minh theo GATT 1994, hay liên quan đến bất cứ hạn chế nào có thể chưa được thông báo theo các quy định của Điều này. Các hoạt động liên quan đến những thông báo này phải được mọi Thành viên tiến hành phù hợp với các quy định và thủ tục của GATT 1994 tại cơ quan liên quan của WTO.

5. TMB sẽ lưu chuyển các thông báo được tiến hành phù hợp với Điều này tới tất cả các Thành viên để cung cấp thông tin.

Điều 4

1. Các hạn chế đã đề cập tại Điều 2, và các hạn chế được áp dụng theo Điều 6, sẽ do các Thành viên xuất khẩu quản lý. Các Thành viên nhập khẩu không có nghĩa vụ phải chấp nhận lượng hàng vượt quá các hạn chế đã thông báo theo Điều 2, hay các hạn chế được áp dụng phù hợp với Điều 6.

2. Các Thành viên nhất trí rằng khi đưa ra các thay đổi, ví dụ như những thay đổi trong thông lệ, quy định, thủ tục và việc phân loại các sản phẩm dệt, may, bao gồm cả các thay đổi liên quan đến Hệ thống hài hòa (HS), trong việc thực thi hay quản lý các hạn chế đã được thông báo hay áp dụng theo Hiệp định này sẽ: không phá vỡ sự cân bằng giữa các quyền và nghĩa vụ giữa các Thành viên liên quan thuộc Hiệp định này; không ảnh hưởng xấu đối với khả năng tiếp cận thị trường của một Thành viên; không cản trở việc tận dụng triệt để khả năng tiếp cận đó; không bóp méo thương mại theo Hiệp định này.

3. Nếu một sản phẩm chỉ tạo thành một phần của hạn chế đã được thông báo nhằm điều chỉnh theo các quy định Điều 2, các Thành viên nhất trí rằng mọi sự thay đổi trong mức độ của hạn chế đó không được phá vỡ sự cân bằng giữa các quyền và nghĩa vụ giữa các Thành viên liên quan theo Hiệp định này.

4. Tuy nhiên, khi các thay đổi được đề cập tại khoản 2 và 3 là cần thiết, các Thành viên nhất trí rằng Thành viên đưa ra các thay đổi đó phải thông báo và cố gắng tiến hành tham vấn với Thành viên hoặc các Thành viên bị tác động trước khi thi hành các thay đổi đó nhằm đạt tới giải pháp chung có thể chấp nhận được liên quan đến sự điều chỉnh thích hợp và công bằng. Các Thành viên cũng nhất trí rằng nếu việc tham vấn trước khi thi hành không thực hiện được thì trong vòng 60 ngày và theo yêu cầu của Thành viên bị tác động, Thành viên đưa ra các thay đổi đó sẽ tham vấn với các Thành viên liên quan nhằm đạt tới giải pháp chung chấp nhận được liên quan đến các điều chỉnh thích hợp và công bằng. Nếu không đạt được giải pháp chung thoả mãn các bên, mọi Thành viên liên quan đều có thể chuyển vấn đề tới TMB để xin ý kiến như quy định tại Điều 8. Nếu TSB không có điều kiện giám sát tranh chấp liên quan đến các thay đổi diễn ra trước khi Hiệp định

WTO có hiệu lực, thì TMB sẽ giám sát chúng theo các quy định và thủ tục của MFA áp dụng đối với việc giám sát đó.

Điều 5

1. Các Thành viên nhất trí rằng những gian lận thông qua chuyển tải, thay đổi tuyến đường, khai báo không trung thực về nước hay nơi xuất xứ hàng hóa, làm sai lệch các tài liệu chính thức sẽ làm phương hại việc thi hành Hiệp định này để điều chỉnh lĩnh vực dệt, may theo GATT 1994. Do đó, các Thành viên nên ban hành các quy định pháp lý và/hoặc các thủ tục quản lý cần thiết liên quan tới các hành vi gian lận và có hành động chống lại chúng. Các Thành viên cũng nhất trí rằng họ sẽ hoàn toàn hợp tác với nhau để giải quyết các vấn đề phát sinh từ tình trạng gian lận phù hợp với các luật lệ và thủ tục của họ.

2. Nếu một Thành viên nhận thấy Hiệp định này bị vi phạm bằng cách chuyển tải, thay đổi tuyến đường, khai báo không trung thực về nước hay nơi xuất xứ hàng hóa, làm sai lệch các tài liệu chính thức, và không có biện pháp nào được áp dụng hay các biện pháp đó không có hiệu quả trong việc giải quyết hoặc chống lại tình trạng gian lận, Thành viên đó có thể tham vấn với Thành viên hoặc các Thành viên liên quan nhằm tìm ra giải pháp chung thoả mãn các bên. Các cuộc tham vấn này cần được tiến hành sớm, nếu điều kiện cho phép thì tiến hành trong vòng 30 ngày. Nếu không đạt được giải pháp chung thoả mãn các bên, bất cứ Thành viên liên quan nào cũng có thể đưa vấn đề đến TMB để xin ý kiến.

3. Các Thành viên nhất trí thực hiện những hành động cần thiết phù hợp với luật và thủ tục trong nước nhằm ngăn ngừa, điều tra, và khi thích hợp thì tiến hành các hoạt động có tính pháp lý và/hay hành chính chống lại thực tế gian lận trong lãnh thổ của mình. Trong trường hợp có gian lận hay bị coi là có gian lận Hiệp định này, các Thành viên sẽ thống nhất hợp tác toàn diện phù hợp với luật và thủ tục trong nước để thiết lập chứng cứ liên quan tại các nơi nhập khẩu, xuất khẩu và nếu có thể cả chuyển tải. Phù hợp với luật và thủ tục trong nước, sự hợp tác nêu trên sẽ bao gồm: điều tra thực tế gian lận làm tăng số lượng xuất khẩu bị hạn chế xuất khẩu vào Thành viên đang duy trì các hạn chế đó; trao đổi tài liệu, thư từ, báo cáo và các thông tin liên quan khác ở mức độ có thể; tạo thuận lợi cho các cuộc thăm quan, tiếp xúc hiện trường theo yêu cầu và trên cơ sở từng trường hợp. Các Thành viên phải cố gắng làm rõ các hành vi gian lận của mọi vụ gian lận hay bị coi là có gian lận, bao gồm vai trò của các nhà xuất khẩu, nhập khẩu có liên quan.

4. Nếu kết quả điều tra cho thấy có bằng chứng đầy đủ rằng thực sự có gian lận (ví dụ: nếu có bằng chứng liên quan đến nước hay nơi xuất xứ thật sự và bối cảnh của gian lận đó), các Thành viên nhất trí cần tiến hành các hành động thích hợp và ở mức độ cần thiết để giải quyết vấn đề. Các hành động đó có thể bao gồm việc từ chối cho phép hàng nhập vào, hay nếu hàng đã nhập vào thì cản cứ vào tình hình thực tế và sự liên quan của nước hay nơi xuất xứ thật, điều chỉnh khẩu trừ vào các mức hạn chế nhằm phản ánh đúng nước hay nơi xuất xứ thật. Ngoài ra, nếu có bằng chứng về sự liên quan của các lãnh thổ của các Thành viên mà hàng hóa được chuyển tải qua, thì các hành động cần thiết có thể bao gồm

cả việc áp dụng các hạn chế đối với các Thành viên liên quan đó. Cùng với thời gian và phạm vi áp dụng, các hành động trên sẽ được áp dụng sau khi có sự tham vấn giữa các Thành viên liên quan nhằm đạt tới giải pháp chung với sự biện minh đầy đủ. Khi tham vấn, các Thành viên liên quan có thể thoả thuận các biện pháp và thông báo cho TMB và cơ quan này sẽ nêu ý kiến của mình cho các Thành viên liên quan nếu thấy cần thiết. Nếu không đạt được giải pháp thoả mãn các bên, mọi Thành viên liên quan đều có thể đưa vấn đề ra TMB để được giám sát và có ý kiến ngay.

5. Các Thành viên ghi nhận rằng một số trường hợp gian lận có liên quan đến việc quá cảnh hàng qua các nước hay địa điểm nhưng không có sự thay đổi hay điều chỉnh hàng hóa tại nơi quá cảnh. Họ ghi nhận rằng trên thực tế không thể kiểm soát hàng hóa quá cảnh tại các địa điểm này.

6. Các Thành viên nhất trí rằng việc khai báo không đúng thành phần sợi, số lượng, mô tả hay phân loại hàng hóa cũng sẽ ngăn cản đạt được mục tiêu của Hiệp định này. Nếu có bằng chứng rằng các hành vi khai báo sai như trên vì mục đích gian lận, các Thành viên nhất trí rằng các biện pháp thích hợp sẽ được tiến hành chống lại các nhà xuất khẩu, nhập khẩu liên quan phù hợp với luật và thủ tục trong nước. Nếu bất cứ Thành viên nào thấy Hiệp định này đang bị thực hiện gian lận bởi sự khai báo sai và không có biện pháp quản lý nào hay các biện pháp quản lý đang được áp dụng là không thích đáng để giải quyết và/hay chống lại các hành vi gian lận này, thì Thành viên đó cần tham vấn ngay với Thành viên liên quan nhằm tìm ra giải pháp chung thoả mãn các bên. Nếu không đạt được giải pháp như thế, bất cứ Thành viên liên quan nào cũng có thể đưa vấn đề ra TMB để xin ý kiến. Quy định này không ngăn cản các Thành viên tiến hành các điều chỉnh kỹ thuật khi có các lỗi do sơ xuất trong khai báo gây ra.

Điều 6

1. Các Thành viên thừa nhận sự cần thiết phải áp dụng cơ chế tự vệ chuyển tiếp riêng trong thời kỳ chuyển đổi (đề cập trong Hiệp định này là "biện pháp tự vệ chuyển tiếp"). Bất cứ Thành viên nào cũng có thể áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp đối với các sản phẩm trong Phụ lục, trừ các sản phẩm đã hoà nhập vào GATT 1994 theo những quy định tại Điều 2. Các Thành viên không duy trì hạn chế theo Điều 2 phải thông báo cho TMB trong vòng 60 ngày kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực về việc họ có muốn giữ quyền sử dụng các quy định của điều này hay không. Các Thành viên không công nhận Nghị định thư gia hạn MFA từ năm 1986 phải thông báo như nêu trong vòng 6 tháng kể từ khi Hiệp định WTO có hiệu lực. Biện pháp tự vệ khi chuyển đổi nên được áp dụng càng ít càng tốt và phù hợp với các quy định của điều này và việc thi hành có hiệu quả quá trình hoà nhập theo Hiệp định này.

2. Trên cơ sở các xác định của một Thành viên⁵, hành động tự vệ có thể được thực

⁵ Một liên minh thuế quan có thể áp dụng một biện pháp tự vệ như một đơn vị thống nhất hay như một quốc gia Thành viên. Khi một liên minh thuế quan áp dụng biện pháp tự vệ như một đơn vị thống nhất, tất cả các yêu cầu của việc xác định thiệt hại nghiêm trọng hay các nguy cơ thực tế gây ra thiệt hại theo Hiệp định này sẽ dựa trên cơ sở

hiện theo quy định của điều này khi một sản phẩm cụ thể đang được nhập khẩu vào lãnh thổ của Thành viên này với số lượng tăng đến mức gây ra thiệt hại nghiêm trọng hay có nguy cơ thực tế gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành công nghiệp trong nước sản xuất các sản phẩm cạnh tranh tương tự và/hay trực tiếp. Thiệt hại nghiêm trọng hay nguy cơ thực tế gây ra thiệt hại nghiêm trọng phải do số lượng tăng lên trong tổng nhập khẩu của sản phẩm đó chứ không phải bởi các yếu tố khác như thay đổi công nghệ hay thay đổi thị hiếu tiêu dùng.

3. Trong việc xác định thiệt hại nghiêm trọng hay nguy cơ thực tế gây ra thiệt hại nghiêm trọng như được nêu trong khoản 2, Thành viên phải kiểm tra tác động của hàng nhập khẩu đối với tình trạng của ngành công nghiệp cụ thể được phản ánh qua những thay đổi của các chỉ số kinh tế liên quan như sản lượng, năng suất lao động, khả năng sử dụng năng lực, tồn kho, thị phần, lượng xuất khẩu, mức lương, lao động, giá cả trong nước, lợi nhuận và đầu tư. Không một chỉ số nào trong số này, dù đứng đơn lẻ hay kết hợp với các yếu tố khác, có tính định hướng quyết định.

4. Bất cứ biện pháp nào được dùng đến theo quy định của Điều này đều phải được áp dụng trên cơ sở Thành viên với Thành viên. Thành viên hay các Thành viên chịu thiệt hại nghiêm trọng, hay có nguy cơ thực tế gặp phải thiệt hại nghiêm trọng như đã đề cập tại các khoản 2 và 3, phải xác định trên cơ sở nhập khẩu tăng mạnh và đột ngột, trên thực tế hay sắp xảy ra⁶, từ Thành viên hay các Thành viên cụ thể, và trên cơ sở so sánh mức độ nhập khẩu này với nhập khẩu từ các nguồn khác, thị phần, và giá nhập khẩu với giá nội địa tại các giai đoạn tương ứng của giao dịch thương mại; không có yếu tố nào trong số các yếu tố này, dù đứng đơn lẻ hay kết hợp với các yếu tố khác, có tính định hướng quyết định. Biện pháp tự vệ như trên sẽ không được áp dụng đối với xuất khẩu của bất cứ Thành viên nào mà việc xuất khẩu sản phẩm cụ thể đã phải chịu hạn chế theo Hiệp định này.

5. Thời hạn hiệu lực của việc xác định thiệt hại nghiêm trọng, hay nguy cơ thực tế gặp phải thiệt hại nghiêm trọng vì mục tiêu sử dụng hành động tự vệ không quá 90 ngày kể từ ngày thông báo ban đầu như quy định tại khoản 7.

6. Khi áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, những lợi ích của các Thành viên xuất khẩu phải được cân nhắc theo các quy định sau đây:

- (a) các Thành viên chậm phát triển được đối xử ưu đãi đặc biệt so với các nhóm Thành viên khác nêu trong khoản này, ưu đãi hơn trong mọi bộ phận cấu thành, ít nhất là

các điều kiện hiện hành trong toàn bộ liên minh thuế quan. Khi một biện pháp tự vệ được áp dụng với tư cách của một quốc gia Thành viên, tất cả các yêu cầu của việc xác định thiệt hại nghiêm trọng, hay các nguy cơ thực tế gây ra thiệt hại sẽ dựa trên cơ sở các điều kiện hiện hành tại quốc gia Thành viên đó và biện pháp sẽ chỉ giới hạn đối với Thành viên đó.

⁶ Số lượng nhập khẩu tăng lên sắp xảy ra như vậy phải định lượng được và không được coi là tồn tại trên cơ sở lý lẽ, phỏng đoán hay thuần túy là khả năng xuất hiện, ví dụ như dựa trên thực trạng năng lực sản xuất của Thành viên xuất khẩu.

về các điều kiện chung;

- (b) các Thành viên có tổng khối lượng xuất khẩu hàng dệt, may nhỏ so với tổng khối lượng xuất khẩu của các Thành viên khác và chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng nhập khẩu của sản phẩm đó vào Thành viên nhập khẩu sẽ được giành đối xử khác biệt và ưu đãi hơn bằng cách phối hợp các điều kiện kinh tế quy định tại các khoản 8, 13 và 14. Đối với các nhà cung cấp này, theo quy định của các khoản 2 và 3 của Điều 1, khả năng phát triển trong tương lai của thương mại và sự cần thiết cho phép số lượng nhập khẩu thương mại từ họ sẽ được cân nhắc thỏa đáng;
- (c) đối với các sản phẩm len từ các Thành viên đang phát triển sản xuất len có nền kinh tế và thương mại hàng dệt, may phụ thuộc vào lĩnh vực len, các sản phẩm len chiếm gần như toàn bộ tổng lượng xuất khẩu hàng dệt, may và khối lượng thương mại dệt, may tương đối nhỏ trên các thị trường của các Thành viên nhập khẩu, nhu cầu xuất khẩu của họ sẽ được đặc biệt lưu ý khi xem xét các mức độ hạn ngạch, tỷ lệ tăng trưởng và tính linh hoạt;
- (d) đối xử ưu đãi hơn sẽ được dành cho các sản phẩm dệt, may do một Thành viên tái nhập khẩu sau khi xuất khẩu sang một Thành viên khác để gia công và sau đó tái nhập khẩu, như được xác định theo luật và thông lệ của Thành viên nhập khẩu, và là đối tượng của việc kiểm soát đầy đủ và các thủ tục chứng nhận, khi các sản phẩm này được nhập khẩu từ một Thành viên mà phương thức thương mại này chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng xuất khẩu hàng dệt và may mặc.

7. Thành viên đề xuất hành động tự vệ phải tham vấn với Thành viên hay các Thành viên có thể bị tác động bởi hành động đó. Yêu cầu về các cuộc tham vấn phải kèm theo các thông tin mới nhất, cụ thể, thực tế liên quan, đặc biệt liên quan đến: (a) các yếu tố như đã nêu tại khoản 3 mà Thành viên muốn áp dụng biện pháp đã lấy làm cơ sở để xác định các thiệt hại nghiêm trọng, hay nguy cơ thực tế gấp phải thiệt hại nghiêm trọng; và (b) các yếu tố như đã nêu tại khoản 4 mà Thành viên dựa vào đó để áp dụng biện pháp tự vệ tác động đến Thành viên hay các Thành viên liên quan. Về các yêu cầu được đưa ra theo quy định của khoản này, các thông tin phải liên quan chặt chẽ tới mức cao nhất có thể được đến các giai đoạn nhất của quá trình sản xuất và đến thời gian tham khảo đã nêu tại khoản 8. Thành viên sử dụng biện pháp tự vệ cũng phải đề xuất mức hạn chế nhập khẩu cụ thể đối với hàng hóa từ Thành viên hay các Thành viên liên quan dự kiến áp dụng; mức này không được thấp hơn mức đã được nêu tại khoản 8. Đồng thời, Thành viên muốn tham vấn phải gửi tới Chủ tịch TMB yêu cầu tham vấn, bao gồm tất cả các dữ liệu thực tế liên quan như đã đề cập tại các khoản 3 và 4, cùng với mức hạn chế đề xuất. Chủ tịch sẽ thông báo cho các Thành viên của TMB yêu cầu tham vấn, Thành viên yêu cầu, sản phẩm được tham vấn tới và Thành viên nhận yêu cầu. Thành viên hay các Thành viên liên quan phải trả lời yêu cầu này một cách nhanh chóng và các cuộc tham vấn sẽ được tổ chức không chậm trễ và thông thường sẽ kết thúc sau 60 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu.

8. Nếu trong các cuộc tham vấn, các bên cùng hiểu rằng tình hình đòi hỏi hạn chế

xuất khẩu sản phẩm cụ thể từ Thành viên liên quan, mức hạn chế này phải cố định ở mức không thấp hơn mức xuất khẩu hay nhập khẩu thực tế từ Thành viên liên quan trong giai khoản thời gian 12 tháng kết thúc 2 tháng trước tháng yêu cầu tham vấn được đưa ra.

9. Các chi tiết của biện pháp hạn chế được thống nhất phải được gửi tới TMB trong vòng 60 ngày kể từ đợt được thoả thuận. TMB sẽ xác định liệu thoả thuận có biện minh được theo các quy định của Điều này không. Để đưa ra quyết định, TMB cần có dữ liệu thực tế đã được cung cấp cho Chủ tịch TMB, như đã đề cập tại khoản 7, cũng như các thông tin liên quan khác do các Thành viên liên quan cung cấp. TMB có thể đưa ra các ý khuyến nghị nếu thấy thích hợp với các Thành viên liên quan.

10. Tuy nhiên, nếu hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn nhưng các Thành viên không đạt được thoả thuận thì Thành viên đề xuất áp dụng biện pháp tự vệ có thể áp dụng hạn chế tính theo ngày nhập khẩu hay ngày xuất khẩu, phù hợp với các quy định của điều này, trong vòng 30 ngày sau thời hạn 60 ngày tham vấn, và cùng lúc đó đưa vấn đề ra TMB. Bất cứ bên Thành viên nào cũng có thể đưa vấn đề ra TMB trước khi hết thời hạn 60 ngày. Trong cả hai trường hợp trên, TMB sẽ nhanh chóng tiến hành điều tra vấn đề, bao gồm cả xác định thiệt hại nghiêm trọng, hay nguy cơ gấp phải thiệt hại nghiêm trọng và các nguyên nhân của chúng, đưa các khuyến nghị thích hợp cho các Thành viên liên quan trong vòng 30 ngày. Để tiến hành việc xác định này, TMB cần có dữ liệu thực tế đã cung cấp cho Chủ tịch TMB, như đã đề cập tại khoản 7, cũng như các thông tin khác do các Thành viên liên quan cung cấp.

11. Trong những trường hợp nghiêm trọng đặc biệt khi việc trì hoãn có thể gây ra thiệt hại khó khắc phục, hành động theo khoản 10 có thể được áp dụng tạm thời với điều kiện yêu cầu tham vấn và thông báo cho TMB sẽ có hiệu lực không quá 5 ngày làm việc sau khi thực hiện hành động. Trong trường hợp không đạt được sự nhất trí qua các cuộc tham vấn, TMB sẽ được thông báo về kết quả của các cuộc tham vấn, trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày tiến hành hành động. TMB sẽ nhanh chóng tiến hành xác định vấn đề và đưa ra các khuyến nghị thích hợp với các Thành viên liên quan trong vòng 30 ngày. Trong trường hợp các cuộc tham vấn mang lại kết quả, các Thành viên phải thông báo cho TMB kết luận, nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 90 ngày kể từ ngày tiến hành hành động. TMB có thể đưa ra khuyến nghị với các Thành viên liên quan nếu thấy cần thiết.

12. Một Thành viên có thể duy trì các biện pháp dựa theo các quy định của Điều này: (a) kéo dài tối 3 năm không được gia hạn; hay (b) cho đến khi sản phẩm được hoà nhập vào GATT 1994, tuỳ theo thời điểm nào đến trước.

13. Nếu biện pháp hạn chế có hiệu lực hơn một năm, mức hạn chế cho các năm sau phải là mức xác định cho năm thứ nhất tăng thêm một tỷ lệ tăng trưởng không ít hơn 6%/năm, ngược lại phải nêu lý do xác đáng với TMB. Mức hạn chế đối với sản phẩm liên quan có thể cao hơn trong một năm nào đó trong hai năm liên tục bất kỳ bằng cách sử dụng trước hạn ngạch và/hoặc sử dụng hạn ngạch còn lại của năm trước tối 10% trong đó

hạn ngạch sử dụng trước không được quá 5%. Không được đặt ra hạn chế định lượng bằng cách sử dụng kết hợp sự chuyển hạn ngạch giữa các năm và quy định của khoản 14.

14. Khi một Thành viên đặt ra hạn chế cho nhiều hơn một sản phẩm từ một Thành viên khác theo Điều này thì mức độ hạn chế được thoả thuận theo các quy định của Điều này cho từng sản phẩm trong số đó có thể quá 7%, với điều kiện tổng xuất khẩu chịu hạn chế không vượt quá tổng mức áp dụng với tất cả các sản phẩm chịu hạn chế theo Điều này, trên cơ sở các đơn vị chung được thoả thuận. Nếu thời gian áp dụng các hạn chế đối với mỗi sản phẩm không trùng nhau, quy định này được áp dụng với bất cứ thời gian trùng nào trên cơ sở tỷ lệ.

15. Nếu một hành động tự vệ được áp dụng theo Điều này đối với một sản phẩm mà trước kia đã chịu hạn chế theo MFA trong thời gian 12 tháng trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực, hay theo các quy định của Điều 2 hay 6, thì mức hạn chế mới là mức được xác định tại khoản 8 trừ khi hạn chế mới có hiệu lực trong vòng 1 năm kể từ:

- (a) ngày thông báo được nêu tại khoản 15 Điều 2 về việc xoá bỏ các hạn chế trước đó; hay
- (b) ngày xoá bỏ hạn chế trước đây theo các quy định của Điều này hay của MFA.

Dù trong trường hợp nào thì mức độ hạn chế không được thấp hơn mức cao hơn của hai mức sau: (i) mức hạn chế của thời gian 12 tháng trước, khi sản phẩm chịu hạn chế; hay (ii) mức hạn chế quy định tại khoản 8.

16. Khi một Thành viên không duy trì hạn chế theo quy định của Điều 2 quyết định áp dụng hạn chế theo các quy định của Điều này, Thành viên đó phải đạt được các thoả thuận thích hợp, trong đó: (a) lưu ý đầy đủ đến các yếu tố như danh mục thuế quan đã hình thành và các đơn vị số lượng trên cơ sở các thông lệ thương mại thông thường trong giao dịch xuất và nhập khẩu, cả hai đều liên quan đến thành phần sợi và sự cạnh tranh với lĩnh vực tương tự của thị trường nội địa nước đó; (b) tránh phân loại quá chi tiết. Yêu cầu tham vấn đề cập tại các khoản 7 hay 11 phải bao gồm thông tin đầy đủ về các thoả thuận nêu trên.

Điều 7

1. Như một phần của quá trình hoà nhập và gắn với các cam kết cụ thể của các Thành viên theo kết quả của Vòng đàm phán Uruguay, các Thành viên sẽ thực hiện các hành động nếu thấy cần thiết phù hợp với các luật lệ và nguyên tắc của GATT 1994 nhằm:

- (a) tăng khả năng tiếp cận thị trường cho các sản phẩm dệt, may thông qua các biện pháp như giảm thuế quan và cam kết thuế trần, giảm hay xoá bỏ các hàng rào phi quan thuế và thuận lợi hóa thủ tục hải quan, các phương thức quản lý hành chính và cấp giấy phép;

- (b) đảm bảo áp dụng các chính sách liên quan đến các điều kiện kinh doanh bình đẳng và công bằng đối với hàng dệt, may trong các lĩnh vực như các quy định và các thủ tục về phá giá và chống phá giá, trợ cấp và các biện pháp đối kháng, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; và
- (c) tránh phân biệt đối xử chống lại hàng dệt, may nhập khẩu khi áp dụng các biện pháp vì lý do chính sách thương mại nói chung.

Các biện pháp như vậy không được gây thiệt hại đến các quyền lợi và nghĩa vụ của các Thành viên theo GATT 1994.

2. Các Thành viên phải thông báo với TMB các biện pháp như đã nêu ở khoản 1 liên quan đến việc thi hành Hiệp định này. Trong trường hợp các biện pháp này đã được thông báo cho các cơ quan khác của WTO, một bản tóm tắt có dẫn chiếu tới thông báo gốc là đủ để đáp ứng yêu cầu của khoản này. Mọi Thành viên đều có thể gửi các thông báo phản đối tới TMB.

3. Nếu bất cứ Thành viên nào nhận thấy một Thành viên khác không tiến hành các biện pháp như đã đề cập tại khoản 1, và sự cân bằng giữa các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Hiệp định này bị xâm phạm, Thành viên đó có thể đưa vấn đề ra các cơ quan liên quan của WTO và thông báo cho TMB. Mọi phát hiện hay kết luận sau đó của các cơ quan WTO liên quan sẽ là một phần của bản báo cáo đầy đủ của TMB.

Điều 8

1. Cơ quan Giám sát Hàng dệt (“TMB”) sẽ được thành lập để giám sát việc thi hành Hiệp định này và xem xét tất cả biện pháp được thực hiện và sự phù hợp của chúng với Hiệp định, cũng như tiến hành các hành động được yêu cầu theo yêu cầu riêng của Hiệp định này. TMB sẽ bao gồm một Chủ tịch và 10 uỷ viên. Các uỷ viên được chọn một cách cân bằng, là đại diện rộng rãi của các Thành viên và được luân phiên sau các thời kỳ thích hợp. Các Thành viên được Uỷ ban Thương mại Hàng hóa giao trách nhiệm phục vụ TMB sẽ bổ nhiệm các uỷ viên. Các uỷ viên hoạt động trên cơ sở trách nhiệm cá nhân.

2. TMB xây dựng qui trình làm việc riêng của mình. Tuy nhiên, sự đồng thuận trong TMB không yêu cầu phải có sự chấp thuận của các uỷ viên do các Thành viên liên quan đến vấn đề tồn tại đang được TMB xem xét bổ nhiệm.

3. TMB được coi như một cơ quan thường trực và sẽ họp khi cần thiết để thực hiện chức năng của nó theo Hiệp định này. Cơ quan này dựa vào các thông báo và các thông tin do các Thành viên cung cấp theo các quy định có liên quan của Hiệp định này, cũng như mọi thông tin bổ sung hay các chi tiết cần thiết do họ đệ trình hay do chính TMB quyết định thu thập từ các Thành viên. TMB cũng có thể dựa vào các thông báo đã được gửi tới các cơ quan khác của WTO và các báo cáo của các cơ quan này hay các nguồn khác nếu

thấy thích hợp.

4. Các Thành viên phải dành cho nhau những cơ hội tham vấn thích hợp liên quan đến mọi vấn đề tác động đến sự hoạt động của Hiệp định này.

5. Trong trường hợp các cuộc tham vấn song biên theo quy định của Hiệp định này không đạt được các giải pháp được cả hai bên nhất trí, TMB sẽ đưa ra ý kiến với các Thành viên liên quan theo yêu cầu của bất cứ bên Thành viên nào, sau khi đã xem xét vấn đề toàn diện và nhanh chóng.

6. Theo yêu cầu của bất cứ Thành viên nào, TMB sẽ rà soát nhanh chóng bất cứ vấn đề cụ thể nào mà Thành viên đó cho rằng đã gây hại cho quyền lợi của mình theo Hiệp định này và khi các cuộc tham vấn giữa họ với Thành viên hay các Thành viên liên quan đã không mang lại giải pháp thỏa mãn các bên. Đối với những vấn đề như vậy, TMB sẽ có ý kiến nhận xét mà họ thấy cần thiết với các Thành viên liên quan và cho các mục tiêu rà soát như quy định tại khoản 11.

7. TMB sẽ mời các Thành viên bị tác động trực tiếp của các vấn đề đang được xem xét tham gia tham vấn trước khi đưa ra ý kiến.

8. Khi được đề nghị đưa ra ý kiến hay kết luận thì TMB phải cố gắng thực hiện trong vòng 30 ngày, trừ khi Hiệp định này đã quy định cụ thể một thời hạn khác. Các khuyến nghị và kết luận sẽ phải gửi tới các Thành viên liên quan trực tiếp và Uỷ ban Thương mại Hàng hóa để cung cấp thông tin.

9. Các Thành viên phải cố gắng chấp nhận hoàn toàn các khuyến nghị của TMB. Cơ quan này sẽ tiến hành giám sát chặt chẽ việc thi hành các khuyến nghị đó.

10. Nếu một Thành viên nhận thấy mình không thể tuân thủ các khuyến nghị của TMB thì phải đưa ra lý do trong vòng 1 tháng sau khi nhận được khuyến nghị.. Sau khi xem xét toàn diện các lý do được đề cập, TMB sẽ đưa ra thêm các khuyến nghị cần thiết. Nếu sau khi đã có thêm các khuyến nghị này mà vấn đề vẫn chưa được giải quyết, bất cứ Thành viên nào cũng có thể đưa vấn đề ra Cơ quan Giải quyết Tranh chấp và áp dụng khoản 2 Điều XXIII của GATT 1994 và các quy định liên quan của Bản ghi nhớ về Giải quyết Tranh chấp.

11. Nhằm giám sát việc thi hành Hiệp định này, Uỷ ban Thương mại Hàng hóa sẽ tiến hành rà soát tổng thể trước khi kết thúc mỗi giai khoản của quá trình hoà nhập. Để hỗ trợ sự rà soát này thì ít nhất là 5 tháng trước khi kết thúc mỗi giai khoản, TMB phải gửi tới Uỷ ban Thương mại Hàng hóa báo cáo đầy đủ về việc thi hành Hiệp định này trong giai khoản đó, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến quá trình hoà nhập, việc áp dụng cơ chế tự vệ trong thời kỳ chuyển đổi, những gì liên quan đến việc áp dụng các nguyên tắc và quy định của GATT 1994 như đã nêu tại các Điều 2, 3, 6 và 7. Bản báo cáo đầy đủ của TMB có thể bao gồm bất cứ khuyến nghị nào mà cơ quan này thấy thích hợp với Uỷ ban

Thương mại Hàng hóa.

12. Theo kết quả rà soát của mình, Uỷ ban Thương mại Hàng hóa sẽ đưa ra các quyết định nếu thấy thích hợp trên cơ sở đồng thuận để đảm bảo sự cân bằng các quyền và nghĩa vụ được nêu trong Hiệp định này không bị phá vỡ. Đối với các nghị quyết về các tranh chấp diễn ra liên quan đến các vấn đề đã được đề cập tại Điều 7, Cơ quan Giải quyết Tranh chấp có thể cho phép điều chỉnh khoản 14 Điều 2, nhưng không được vi phạm thời hạn đã nêu tại Điều 9, cho giai khoản tiếp theo với bất cứ Thành viên nào bị phát hiện là không tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này.

Điều 9

Hiệp định này và tất cả các hạn chế được quy định trong đó sẽ hết hạn vào ngày đầu tiên của tháng thứ 121 sau khi Hiệp định WTO có hiệu lực. Vào ngày đó, lĩnh vực hàng dệt, may sẽ được hoà nhập hoàn toàn vào GATT 1994. Hiệp định này sẽ không được gia hạn thêm nữa.

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM DO HIỆP ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH

1. Phụ lục này liệt kê các sản phẩm dệt, may được xác định theo Hệ thống mã hóa và mô tả hài hòa hàng hóa (HS) cấp độ 6 chữ số.
2. Các biện pháp theo các quy định về tự vệ tại Điều 6 sẽ được áp dụng với các sản phẩm dệt, may cụ thể và không trên cơ sở các dòng HS.
3. Các biện pháp theo các quy định về tự vệ tại Điều 6 của Hiệp định này sẽ không được áp dụng với:
 - (a) xuất khẩu của các Thành viên đang phát triển là sợi dệt bằng khung cửi cá nhân, hay các sản phẩm thủ công dệt từ các loại sợi nêu trên, hay các sản phẩm dệt, may mỹ nghệ, truyền thống, nếu các sản phẩm này được xác định đầy đủ trong các thoả thuận giữa các Thành viên liên quan;
 - (b) các sản phẩm dệt đã được trao đổi trong lịch sử, được buôn bán rộng rãi trên thế giới với số lượng thương mại đáng kể trước năm 1982, ví dụ như túi, bao tải, dây thừng, thảm và thảm chùi chân làm chủ yếu từ các loại sợi như sợi đay, sợi dừa, sợi sisal, abaca, maguey và henequen;
 - (c) các sản phẩm làm từ tơ nguyên chất.

Các quy định tại Điều XIX của GATT 1994, như đã được diễn giải tại Hiệp định về các biện pháp tự vệ, sẽ áp dụng đối với các sản phẩm này.